

Số: 133 /DMCN-TCHC
V/v Công bố thông tin

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Bắc
2. Mã chứng khoán: PCN
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tê Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại: (04) 38271483 Fax: (04) 38780902
5. Người thực hiện công bố thông tin: Người đại diện theo pháp luật của Công ty là: Ông Trần Khắc Ngu – Giám đốc Công ty.
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Bắc được lập ngày 12/3/2018, bao gồm: BCDKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Công văn giải trình biến động lợi nhuận năm 2017.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính www.pvdmcn.com.vn
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- www.pvdmcn.com.vn
- “Quan hệ cổ đông”;
- Lưu: VT, TCHC.

Ngu

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



Trần Khắc Ngu

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN
VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM
DẦU KHÍ DMC-MIỀN BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 132 /DMCN - TCKT
V/v giải trình biến động
lợi nhuận năm 2017

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

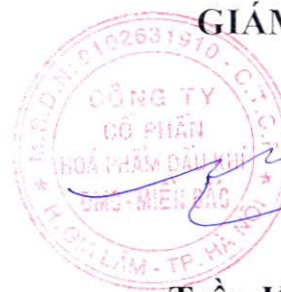
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – miền Bắc (mã chứng khoán PCN) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2017 bị lỗ và chuyển từ lỗ cùng kỳ năm 2016 sang lỗ ở kỳ này là do các nguyên nhân sau :

- Do nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm của các khách hàng trong ngành dầu khí giảm mạnh, giá dầu phục hồi chậm, Công ty sản xuất sản phẩm cầm chừng nên bị lỗ các chi phí cố định (khấu hao TSCĐ, tiền thuê đất, Bảo hiểm xã hội ...).
- Do lượng hàng tồn kho tiêu thụ rất chậm nên Công ty phải tiếp tục trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dẫn đến tăng chi phí giá vốn.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu VT, TCKT



GIÁM ĐỐC

Trần Khắc Ngự

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC –
MIỀN BẮC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC

Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 21



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC

Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đức Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Khắc Ngự	Thành viên
Bà Lương Nguyễn Minh Phượng	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên
Ông Vũ Thanh Quang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Khắc Ngự	Giám đốc
Ông Lê Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Phúc Hoa	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thăng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Khắc Ngự
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Số: 566 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 21 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, mặc dù tài sản ngắn hạn của Công ty cao hơn nợ ngắn hạn với số tiền là 24.256.536.661 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: cao hơn với số tiền là 32.579.244.289 VND), tuy nhiên Công ty có lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 13.246.266.878 VND (lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.286.700.170 VND), lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bị âm 2.269.057.459 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bị âm 1.869.248.534 VND). Các yếu tố nêu trên có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

Phạm Quỳnh Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

*Ngày 12 tháng 3 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.498.961.849	39.886.997.802
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.166.944.902	6.256.800.471
1. Tiền	111		1.166.944.902	4.256.800.471
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.988.965.062	6.439.953.848
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	5.605.122.011	8.114.718.616
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		255.844.805	324.952.420
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		422.544.084	362.103.406
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(2.294.545.838)	(2.361.820.594)
III. Hàng tồn kho	140	7	23.060.757.631	26.870.802.152
1. Hàng tồn kho	141		24.216.578.150	27.940.310.507
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.155.820.519)	(1.069.508.355)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		282.294.254	319.441.331
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		170.420.640	39.451.500
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	148.823.162
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	111.873.614	131.166.669
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.257.106.930	4.882.095.051
I. Tài sản cố định	220		3.019.197.819	4.644.185.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.990.447.834	4.592.435.951
- Nguyên giá	222		36.940.667.024	37.877.994.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.950.219.190)	(33.285.559.026)
2. Tài sản cố định vô hình	227		28.749.985	51.749.989
- Nguyên giá	228		148.984.800	148.984.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.234.815)	(97.234.811)
II. Tài sản dài hạn khác	260		237.909.111	237.909.111
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		237.909.111	237.909.111
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		31.756.068.779	44.769.092.853

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.254.296.147	7.307.753.513
I. Nợ ngắn hạn	310		4.254.296.147	7.307.753.513
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	9	1.790.478.158	2.099.697.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		160.791.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	74.183.462	1.586.870
4. Phải trả người lao động	314		253.136.314	22.720.388
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.839.334.554	1.753.363.425
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		134.398.279	368.498.554
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	3.055.112.850
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.974.380	6.774.380
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.501.772.632	37.461.339.340
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	27.501.772.632	37.461.339.340
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.245.500.000	39.245.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.245.500.000	39.245.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.502.539.510	1.502.539.510
3. (Lỗ) lũy kế	421		(13.246.266.878)	(3.286.700.170)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.286.700.170)	-
- (Lỗ) năm nay	421b		(9.959.566.708)	(3.286.700.170)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		31.756.068.779	44.769.092.853



Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 3 năm 2018



Lê Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Trần Khắc Ngự
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	34.325.750.779	237.786.597.718
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13	57.701.817	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	13	34.268.048.962	237.786.597.718
4. Giá vốn hàng bán	11	14	35.063.531.785	229.338.446.707
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(795.482.823)	8.448.151.011
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		19.314.740	124.268.024
7. Chi phí tài chính	22		72.573.948	124.357.319
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		72.137.725	124.200.198
8. Chi phí bán hàng	25	16	4.641.668.145	5.882.484.440
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16	4.447.328.532	5.958.828.241
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(9.937.738.708)	(3.393.250.965)
11. Thu nhập khác	31		215.000.000	170.863.637
12. Chi phí khác	32		236.828.000	64.312.842
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(21.828.000)	106.550.795
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(9.959.566.708)	(3.286.700.170)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	-	-
16. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(9.959.566.708)	(3.286.700.170)
17. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	18	(2.538)	(837)



Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu



Lê Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Trần Khắc Ngự
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

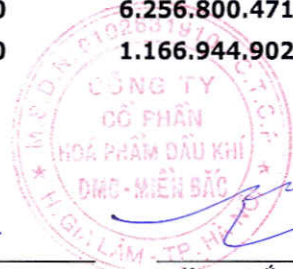
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(9.959.566.708)	(3.286.700.170)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.624.988.121	1.898.937.229
Các khoản dự phòng	03	19.037.408	947.061.601
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(234.314.740)	-
Chi phí lãi vay	06	72.137.725	-
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8.477.718.194)	(440.701.340)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.686.379.759	15.618.242.756
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.723.732.357	(7.889.998.906)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.455.484	(8.139.696.232)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(130.969.140)	441.865.056
Tiền lãi vay đã trả	14	(72.137.725)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(915.389.592)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.800.000)	(543.570.276)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.269.057.459)	(1.869.248.534)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	215.000.000	156.445.455
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.314.740	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	234.314.740	156.445.455
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.715.071.750	3.055.112.850
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.770.184.600)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	-	(360.030.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.055.112.850)	2.695.082.850
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(5.089.855.569)	982.279.771
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.256.800.471	5.274.520.700
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.166.944.902	6.256.800.471


Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu


Lê Thị Việt Hà
Kế toán trưởng


Trần Khắc Ngự
Giám đốc



Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102631910 ngày 24 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là PCN.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Đăng ký thay đổi lần 06 ngày 06 tháng 6 năm 2011 đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc số 0102631910 ngày 24 tháng 01 năm 2008 với số vốn điều lệ là 40.000.000.000 VND, tương đương 4.000.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP nắm giữ 3.324.500 cổ phần, tương ứng với 33.245.000.000 VND, chiếm 84,71% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 600.050 cổ phần, tương ứng với 6.000.500.000 VND, chiếm 15,29% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 158 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 165).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Bán buôn dầu mỏ, dầu thô chưa tinh chế;
- Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
- Bán buôn phân bón, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn cao su; bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: hạt nhựa Polyetylen và các sản phẩm có liên quan;
- Khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản xuất mua bán hóa chất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục. Mặc dù tài sản ngắn hạn của Công ty cao hơn nợ ngắn hạn với số tiền là 24.256.536.661 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cao hơn với số tiền là 32.579.244.289 VND), tuy nhiên Công ty có lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 13.246.266.878 VND (lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.286.700.170 VND), lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bị âm 2.269.057.459 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bị âm 1.869.248.534 VND). Các yếu tố nêu trên có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh trong năm tới, khả năng thu hồi công nợ cũng như các hỗ trợ từ Công ty mẹ. Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính được trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu dưới ba (03) tháng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, công cụ dụng cụ và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp kế toán hàng tồn kho được Công ty áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> (Năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, các chi phí trả trước khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Công ty không trích trước trợ cấp thôi việc cho nhân viên mà thực hiện ghi nhận chi phí vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi chi trả thực tế cho nhân viên thôi việc.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể mang sang để bù trừ với lợi nhuận của các năm tiếp theo. Không có khoản tài sản thuế hoãn lại nào được ghi nhận do Công ty không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	117.017.623	52.904.594
Tiền gửi ngân hàng	1.049.927.279	4.203.895.877
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
	1.166.944.902	6.256.800.471

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.605.122.011	5.478.291.230
Các khách hàng khác	5.605.122.011	5.478.291.230
b. Phải thu các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 19)	-	2.636.427.386
	5.605.122.011	8.114.718.616

6. NỢ XẤU

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Giá trị có thể thu hồi</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Giá trị có thể thu hồi</u> VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.294.545.838	-	2.437.917.094	76.096.500
<i>Công ty Cổ phần Cầu 14 (quá hạn trên 3 năm)</i>	234.310.000	-	254.310.000	-
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất An Phát (quá hạn trên 3 năm)</i>	388.580.000	-	388.580.000	-
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long (quá hạn trên 3 năm)</i>	316.800.000	-	316.800.000	-
<i>Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung (quá hạn trên 3 năm)</i>	284.408.948	-	284.408.948	-
<i>Các đối tượng khác</i>	1.070.446.890	-	1.193.818.146	76.096.500

Giá trị có thể thu hồi được Công ty tính toán dựa trên cơ sở giá gốc khoản nợ xấu trừ đi dự phòng đã trích lập tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	801.022.500	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.013.058.649	-	7.016.721.611	-
Công cụ, dụng cụ	2.427.351.800	-	19.367.732	-
Thành phẩm	13.368.314.931	(820.441.628)	17.698.038.757	(1.069.508.355)
Hàng hóa	5.407.852.770	(335.378.891)	2.405.159.907	-
Cộng	24.216.578.150	(1.155.820.519)	27.940.310.507	(1.069.508.355)

Trong năm, Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 86.312.164 VND (năm 2016 trích lập bổ sung: 1.069.508.355 VND) do thay đổi trong giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	21.862.147.125	7.189.021.728	7.573.192.260	1.253.633.864	37.877.994.977
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(937.327.953)	-	(937.327.953)
Số dư cuối năm	21.862.147.125	7.189.021.728	6.635.864.307	1.253.633.864	36.940.667.024
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	19.965.604.550	7.189.021.728	5.519.405.278	611.527.470	33.285.559.026
Trích khấu hao trong năm	1.080.756.081	-	402.563.364	118.668.672	1.601.988.117
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(937.327.953)	-	(937.327.953)
Số dư cuối năm	21.046.360.631	7.189.021.728	4.984.640.689	730.196.142	33.950.219.190
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày cuối năm	815.786.494	-	1.651.223.618	523.437.722	2.990.447.834
Tại ngày đầu năm	1.896.542.575	-	2.053.786.982	642.106.394	4.592.435.951

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 20.684.200.991 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 17.420.481.391 VND).

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Barite Bắc Kạn	677.066.454	677.066.454	1.705.876.965	1.705.876.965
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	404.250.000	404.250.000	-	-
Các đối tượng khác	709.161.704	709.161.704	393.820.081	393.820.081
	1.790.478.158	1.790.478.158	2.099.697.046	2.099.697.046
Trong đó: Phải trả các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 19)	406.225.000	406.225.000	-	-

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã thực nộp	
		VND	VND	
Thuế				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(19.293.055)	833.859.463	744.700.941	69.865.467
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	187.671.197	187.671.197	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	54.661.514	54.661.514	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(111.873.614)	-	-	(111.873.614)
Thuế thu nhập cá nhân	1.457.990	10.755.135	7.989.990	4.223.135
Thuế tài nguyên	128.880	1.602.900	1.636.920	94.860
Thuế nhà đất	-	628.927.853	628.927.853	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	(129.579.799)	1.720.478.062	1.628.588.415	(37.690.152)
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.586.870			74.183.462
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	131.166.669			111.873.614

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	39.245.500.000	1.502.539.510	2.844.792.010	43.592.831.520
(Lỗ) trong năm	-	-	(3.286.700.170)	(3.286.700.170)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Điều hành	-	-	(490.062.010)	(490.062.010)
Chia cổ tức	-	-	(2.354.730.000)	(2.354.730.000)
Số dư đầu năm nay	39.245.500.000	1.502.539.510	(3.286.700.170)	37.461.339.340
(Lỗ) trong năm	-	-	(9.959.566.708)	(9.959.566.708)
Số dư cuối năm nay	39.245.500.000	1.502.539.510	(13.246.266.878)	27.501.772.632

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	3.924.550	3.924.550
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	3.924.550	3.924.550

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (sửa đổi), tổng số vốn điều lệ của Công ty là 40 tỷ VND tương đương với 4.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh		Vốn đã góp	
	%	VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	84,71	33.884.000.000	33.245.000.000	33.245.000.000
Các cổ đông khác	15,29	6.116.000.000	6.000.500.000	6.000.500.000
	100	40.000.000.000	39.245.500.000	39.245.500.000

12. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh nhiên liệu rắn, lỏng, khí, than đá, dầu mỏ, dầu thô, dầu nhờn, phân bón, tơ, xơ, sợi dệt, cao su, chất dẻo dạng nguyên sinh và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp, các loại hình kinh doanh dịch vụ khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh nói trên.

Công ty chỉ kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam do vậy không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.325.750.779	237.786.597.718
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	32.952.087.704	236.367.074.459
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.373.663.075	1.419.523.259
Các khoản giảm trừ doanh thu	57.701.817	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.268.048.962	237.786.597.718
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 19)	2.887.701.934	19.504.250.168

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	19.210.692.494	29.629.877.373
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.440.953.446	198.408.812.290
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	325.573.681	230.248.689
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	86.312.164	1.069.508.355
	35.063.531.785	229.338.446.707

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.208.923.403	16.595.995.511
Chi phí nhân công	9.757.944.445	11.145.466.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.624.988.121	1.898.937.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.892.326.218	9.576.242.850
Chi phí khác bằng tiền	1.897.669.003	2.693.519.920
	24.381.851.190	41.910.161.560

16. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
<i>Chi phí nhân công</i>	2.929.274.150	2.150.212.040
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài bằng tiền</i>	824.849.829	2.243.745.860
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác</i>	760.479.309	1.702.723.095
	4.514.603.288	6.096.680.995
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
<i>Chi phí nhân công</i>	1.523.219.839	1.102.063.060
<i>Cước vận chuyển, bốc xếp hàng hóa</i>	2.403.914.863	4.011.222.559
<i>Các khoản chi phí bán hàng khác</i>	714.533.443	769.198.821
	4.641.668.145	5.882.484.440
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	67.274.756	137.852.754
	67.274.756	137.852.754

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
(Lỗ) kế toán trước thuế	(9.959.566.708)	(3.286.700.170)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	233.285.725	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(9.726.280.983)	(3.286.700.170)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

18. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(9.959.566.708)	(3.286.700.170)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	-
(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(9.959.566.708)	(3.286.700.170)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	3.924.550	3.924.550
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(2.538)	(837)

19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	2.887.701.934	19.504.250.168
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	2.876.676.934	19.504.250.168
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	11.025.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	16.350.720.650	26.047.345.470
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	15.918.470.650	12.724.492.880
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	9.750.000	13.322.852.590
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	422.500.000	-
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	929.186.090	867.762.729

Công ty có số dư chủ yếu tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản phải thu		
<i>Phải thu về bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ</i>	-	2.636.427.386
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu khí - CTCP	-	2.636.427.386
<i>Phải thu khác</i>	100.000.000	
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	100.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán</i>	86.010.505	
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	86.010.505	-
Các khoản phải trả	406.225.000	-
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu khí - CTCP	1.975.000	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	404.250.000	-



Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu



Lê Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Trần Khắc Ngự
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2018